



Số và ký hiệu: 37-CTr/TU
Ký bởi: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Thời gian ký: 07/08/2026 18:07:51

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

Số 37-CTr/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 8 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Kết luận số 224-KL/TW, ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thời gian qua, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đạt một số kết quả tích cực. Hệ thống đô thị từng bước được mở rộng; kết cấu hạ tầng, dịch vụ đô thị được quan tâm đầu tư; một số đô thị phát huy vai trò trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, du lịch và động lực phát triển của từng khu vực. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt khoảng 45%.

Tuy nhiên, tốc độ và chất lượng đô thị hóa chưa đáp ứng yêu cầu; hệ thống đô thị phát triển chưa đồng đều, liên kết đô thị - nông thôn và liên kết vùng còn hạn chế. Chất lượng quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch có mặt còn bất cập; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chưa đồng bộ; tình trạng ùn tắc giao thông, ngập úng, ô nhiễm môi trường, thiếu không gian xanh và hạn chế trong quản lý trật tự xây dựng, không gian ngầm, hạ tầng viễn thông chậm được khắc phục. Nguồn lực cho phát triển đô thị còn phân tán, chưa khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng khu vực.

Thực hiện Kết luận số 224-KL/TW, ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Kết luận số 224-KL/TW và Nghị quyết số 06-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW và Kết luận số 224-KL/TW gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, văn minh, hiện đại, giàu bản

sắc; lấy con người làm trung tâm, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực.

- Phát triển đô thị bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan; gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kết hợp hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị hiện hữu với phát triển đô thị mới; xây dựng hệ thống đô thị đa trung tâm, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai và các nguồn lực phát triển.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch; kiểm soát chặt chẽ không gian phát triển, trật tự xây dựng; kịp thời rà soát xử lý các quy hoạch, dự án chậm triển khai và các hành vi vi phạm theo quy định; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển hệ thống đô thị của tỉnh theo mô hình đa trung tâm, gắn với các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế và đầu mối giao thông quan trọng, từng bước hình thành các cực tăng trưởng gắn với mở rộng không gian phát triển ra biển; tăng cường kết nối hiệu quả giữa các đô thị trong tỉnh với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

- Xây dựng hệ thống đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, kiến trúc, cảnh quan đặc trưng; nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển đô thị; khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển kinh tế đô thị gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và xây dựng nông thôn mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030:

- + Hệ thống đô thị của tỉnh có ít nhất 38 đô thị¹, gồm 05 đô thị loại II và 33 đô thị loại III; trong đó có 05 đô thị mới là đơn vị hành chính cấp phường. Tiếp tục xem

¹ Phát triển trên cơ sở hệ thống đô thị hiện nay theo Quyết định số 1078/QĐ-UBND, ngày 30/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

xét phát triển các đô thị khi đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định. 100% đô thị hiện có và đô thị mới có kế hoạch phát triển đô thị; 100% đô thị loại II và tối thiểu 50% đô thị loại III hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu về hạ tầng đô thị, nhất là y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh đạt khoảng 2 - 2,5%.

+ Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 16 - 22%; tỷ lệ cấp nước đô thị đạt trên 87%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị đạt trên 95%; diện tích cây xanh bình quân đạt khoảng 8 - 10 m²/người; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 32 m².

+ Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet theo hướng hiện đại, đồng bộ, an toàn bền vững; 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang tốc độ từ 1 Gb/s; bảo đảm năng lực sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G; hạ tầng số đáp ứng yêu cầu xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia đặt tại Lâm Đồng². Thực hiện hạ ngầm cáp ngoại vi viễn thông tại các tuyến đường đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu và các tuyến đường thuộc diện phải ngầm hóa; tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 100%; tỷ lệ phủ sóng 5G trên toàn tỉnh đạt trên 90%, đạt 100% tại các khu vực công cộng trọng điểm về du lịch, nhà ga, sân bay, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Phần đầu tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt mức cao hơn bình quân chung của cả nước; hệ thống đô thị có ít nhất 43 đô thị³, được liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, xanh, hiện đại, thông minh, giàu bản sắc, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường; từng bước hình thành các trung tâm đô thị giữ vai trò đầu mối kết nối với mạng lưới đô thị quốc gia và quốc tế.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW, Kết luận số 224-KL/TW và Chương trình này; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững.

² Nghị quyết số 175/NQ-CP, ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

³ Trong đó, mở rộng 05 đô thị trong xã thành 05 đô thị mới là đơn vị hành chính cấp phường; 01 đô thị đặc khu; bổ sung 04 đô thị trong xã.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo; phân định rõ trách nhiệm, tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành và địa phương; đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lập, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm, không để lợi ích cục bộ chi phối công tác quy hoạch và phát triển đô thị.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính và huy động nguồn lực

Rà soát, hoàn thiện và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách phát triển đô thị phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; ưu tiên phát triển các đô thị động lực, đô thị loại II, khu vực đồi núi, biên giới, ven biển và các đô thị có di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên cần bảo tồn phát huy. Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, liên địa phương trong giải quyết về nguồn nước, hạ tầng dùng chung, chất thải, đất đai, giao thông công cộng, hạ tầng số, logistics, cây xanh, chiếu sáng và ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng và phát triển đô thị; công khai, minh bạch quy hoạch, danh mục dự án và quy trình giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, nhất là dự án đầu tư công và dự án hạ tầng trọng điểm, bảo đảm đúng quy định.

Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; ưu tiên ngân sách nhà nước đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, công tác giải phóng mặt bằng và chính sách an sinh về nhà ở; khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, chỉnh trang và tái thiết đô thị.

3. Nâng cao chất lượng quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan; gắn quy hoạch với nguồn lực, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị và kế hoạch đầu tư công trung hạn. Xác định rõ không gian phát triển, khu vực bảo tồn, vùng hạn chế phát triển, không gian ngầm và công trình ngầm đô thị; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai, hạn chế phát triển dàn trải, manh mún.

Nâng cao chất lượng lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch; tăng cường tham vấn chuyên gia, phản biện xã hội, thi tuyển ý tưởng quy hoạch, kiến trúc đối với các khu vực, công trình quan trọng. Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS), dữ liệu lớn, nền tảng số và bản đồ theo thời gian thực trong công tác lập, quản lý, công khai và giám sát thực hiện quy hoạch.

Tập trung xử lý các quy hoạch không còn phù hợp, quy hoạch kéo dài, dự án đô thị chậm triển khai; tăng cường kiểm soát phát triển theo quy hoạch, bảo đảm trật tự xây dựng, cảnh quan và kiến trúc đô thị. Tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn; gắn kết với hệ thống cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu, trung tâm logistics, các đầu mối thương mại và phân phối hàng hóa; hình thành các hành lang kinh tế - đô thị, các đơn vị hành chính cấp xã mang tính hạt nhân và các không gian phát triển tập trung. Chú trọng bố trí quy hoạch, sắp xếp các khu vực, không gian phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và khai thác hiệu quả không gian phát triển mới

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên hạ tầng giao thông chiến lược, kết nối liên vùng, kết nối đô thị - nông thôn, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và các công trình có tính lan tỏa tạo động lực phát triển. Từng bước triển khai mô hình phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD) tại các đầu mối giao thông lớn, ga đường sắt tốc độ cao, nút giao cao tốc và hành lang kinh tế quan trọng.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoàn thiện hạ tầng khu, cụm công nghiệp; nâng cao hiệu quả khai thác, tỷ lệ lấp đầy; nghiên cứu phát triển các khu công nghiệp mới, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phù hợp với quy hoạch. Phát triển các trung tâm logistics gắn với khu kinh tế biển, cảng biển, cảng hàng không, khu công nghiệp và các đầu mối giao thông liên vùng.

Ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, phát triển giao thông thông minh, năng lượng thông minh, hệ thống thoát nước bền vững, cảnh báo ngập lụt, phòng, chống thiên tai; mở rộng không gian xanh, mặt nước và không gian công cộng; từng bước ngầm hóa hệ thống điện, viễn thông tại khu vực trung tâm và các tuyến đường được đầu tư, cải tạo, chỉnh trang.

Nghiên cứu quy hoạch, đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh gắn với mở rộng không gian đô thị; phát triển đồng bộ thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghệ cao; bảo đảm kết nối thuận lợi với các trung tâm kinh tế, tài chính, công nghiệp, khoa học, công nghệ và hệ thống giao thông quan trọng của quốc gia.

5. Phát triển nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nâng cao khả năng thích ứng của đô thị

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá phù hợp, nhà ở cho công nhân và các đối tượng yếu thế; bố trí hợp lý khu dân cư, hỗ trợ nhà ở cho người dân tại khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai. Kiểm soát chặt chẽ phát triển nhà ở cao tầng, bảo

đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và phù hợp quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc.

Đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị, bao gồm giao thông, bến, bãi đỗ xe, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, chiếu sáng, cây xanh, công viên, không gian công cộng và hạ tầng viễn thông. Từng bước hạn chế khai thác nước ngầm; phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, vật liệu xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn.

Phát triển hạ tầng số, mạng cáp quang băng rộng, mở rộng vùng phủ và nâng cao chất lượng dịch vụ 5G tại các khu vực trọng điểm; bổ sung hạ tầng truyền dẫn dọc các tuyến giao thông quan trọng. Xây dựng lộ trình chuyển đổi xanh đối với giao thông công cộng và giao thông cá nhân; nghiên cứu hình thành vùng phát thải thấp tại các đô thị động lực khi đủ điều kiện.

Nâng cấp, phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, nhất là giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và các dịch vụ thiết yếu; lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu và nguồn lực phát triển hạ tầng xã hội vào chương trình, kế hoạch phát triển đô thị. Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ rủi ro và hệ thống cảnh báo sớm thiên tai; nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng xử lý các tình huống khẩn cấp.

6. Nâng cao hiệu lực quản lý đô thị, chất lượng cuộc sống, an sinh xã hội và bảo đảm an ninh, trật tự

Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và đô thị thông minh, lấy người dân làm trung tâm, dữ liệu và hạ tầng số làm nền tảng; phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ, an toàn và bảo mật thông tin. Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị.

Xây dựng văn hóa, nếp sống văn minh đô thị; phát triển không gian văn hóa công cộng, sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Bảo đảm người dân, lao động di cư và lao động phi chính thức được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản; quan tâm đào tạo nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ các đối tượng bị tác động trong quá trình đô thị hóa.

Tăng cường bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình đô thị hóa; chủ động phòng ngừa, kiểm soát các nguy cơ phát sinh khiếu kiện, tranh chấp, tội phạm và vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý trật tự đô thị, giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và xử lý các tình huống khẩn cấp.

Chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm; nâng cao chất lượng môi trường không khí, nguồn nước và vệ sinh môi trường; đầu tư hệ thống quan trắc, giám sát môi trường, thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn. Tập trung xử lý các điểm ô

niêm tại đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề và lưu vực sông; phát triển vùng đệm xanh, nông nghiệp xanh phục vụ phát triển đô thị bền vững.

7. Phát triển kinh tế đô thị, đổi mới cơ chế tài chính và mở rộng liên kết, hợp tác

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thu hút các nhà đầu tư chiến lược; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển hạ tầng, du lịch, y tế, giáo dục và bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, cải thiện hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư và các chỉ số quản trị, điều hành của tỉnh.

Triển khai các chương trình, đề án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị; khai thác hiệu quả quỹ đất, các công trình văn hóa, lịch sử và không gian công cộng. Thực hiện di dời theo quy hoạch các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn hoặc không còn phù hợp ra khỏi khu vực trung tâm đô thị.

Phát triển các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, làng đô thị xanh; xây dựng và phát triển thương hiệu đô thị gắn với sản phẩm, dịch vụ và lợi thế đặc thù của địa phương. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo; thúc đẩy các ngành kinh tế số, logistics thông minh, thương mại điện tử, du lịch, văn hóa, giáo dục, y tế chất lượng cao.

Phát triển kinh tế không gian mở, gắn với các trục phát triển đô thị của tỉnh. Mở rộng liên kết kinh tế vùng. Tập trung ưu tiên nguồn lực cho các cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, kinh tế biển, liên kết vùng, ngành có sức lan tỏa cao, các hạ tầng chiến lược, logistics, năng lượng, đô thị, các đơn vị hành chính cấp xã mang tính hạt nhân. Phấn đấu thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh, khu thương mại tự do, khu công nghệ cao theo quy hoạch và quy định. Tăng cường hợp tác với các địa phương, tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính và đối tác quốc tế nhằm huy động nguồn lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 06-NQ/TW, Kết luận số 224-KL/TW và Chương trình này; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện chương trình này phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Đảng ủy UBND tỉnh) về tình hình, kết quả triển khai thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa chương trình này; trong đó, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình, trách nhiệm và nguồn lực thực hiện; chỉ đạo rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy hoạch, chương trình, đề án có liên quan.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng việc quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 06-NQ/TW, Kết luận số 224-KL/TW và Chương trình này; tạo sự thống nhất đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng và phát triển đô thị; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị.

5. Giao Đảng ủy UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện. Định kỳ hằng năm (đợt xuất) báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả triển khai thực hiện; kịp thời tổng hợp tham Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo đối với những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền.

(Kèm theo Phụ lục hiện trạng và định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Lâm Đồng)

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (b/c)
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Bộ Xây dựng;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Y Thanh Hà Niê Kdăm

**PHỤ LỤC I****DANH MỤC CÁC ĐÔ THỊ ƯU TIÊN THỰC HIỆN***(Kèm theo Chương trình số 37-CTr/TU ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

1	Nhóm 1. Đô thị vùng cao nguyên	Nội dung ưu tiên
	- Đà Lạt. - Bảo Lộc. - Đức Trọng. - Di Linh - Ea T'Ling - Đức Linh	- chống ngập; - chống sạt lở; - bảo vệ hồ chứa; - bảo vệ rừng đầu nguồn
2	Nhóm 2. Đô thị ven biển	
	- Phan Rí Cửa - Liên Hương	- chống xói lở bờ biển; - nước biển dâng; - thoát nước mưa; - bảo vệ hành lang bờ biển.
3	Nhóm 3. Đô thị khu vực khô hạn	
	- Lạc Tánh; - Chợ Lầu; - Thuận Nam;	- cấp nước; - tái sử dụng nước; - hạ tầng thích ứng hạn hán



PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Chương trình số 37-CTr/TU ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ cảnh báo rủi ro đô thị (Atlas Đô thị và Khí hậu)			
1	Chủ động phối hợp với các bộ, ngành trung ương trong công tác điều tra, đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển hệ thống đô thị hiện có và đô thị dự kiến hình thành mới trong giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh;	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Các sở: SXD, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026-2030
2	Tiếp nhận quản lý và khai thác sử dụng (Atlas Đô thị và Khí hậu) trên địa bàn tỉnh do Bộ Nông nghiệp và Môi trường bàn giao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Các sở: SXD, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026-2030
3	Phối hợp xây dựng Atlas Đô thị và Khí hậu cho các đô thị chịu tác động mạnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Các sở: SXD, STC, SKH&CN. - UBND các phường thuộc các đô thị Phan Thiết, La Gi, Gia Nghĩa	2026-2030
II	Bổ sung lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu vào quy hoạch đô thị và nông thôn			
4	Tham mưu trình UBND tỉnh điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị; hướng dẫn lập kế hoạch phát triển đô thị khu vực; đồng thời chủ động rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, các chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, gắn với triển khai các dự án đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển đô thị theo hướng phát thải các-bon thấp, tăng trưởng xanh, thông minh, bền vững, giữ gìn bản sắc văn hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường; ưu tiên các đô thị trọng điểm: Đà Lạt, Bảo Lộc, Gia Nghĩa, Phan Thiết, La Gi	Sở Xây dựng	- Các sở: SNN&MT, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026

5	Thực hiện tốt việc cung cấp thông tin, công bố công khai quy hoạch đô thị và nông thôn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch và triển khai các dự án đầu tư xây dựng	Sở Xây dựng	- Các sở: SNN&MT, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026-2030
6	Hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch được phê duyệt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Các sở: SXD, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026-2027
7	Tuyên truyền, phổ biến; trao đổi kinh nghiệm kết nối mạng lưới, đối ngoại chính sách; tổ chức, bồi dưỡng cán bộ nâng cao năng lực quản lý phát triển đô thị ứng phó với BĐKH, đô thị tăng trưởng xanh, phát triển đô thị thông minh	Sở Xây dựng	- Các sở: SNN&MT, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026-2030
III	Phối hợp với các tổ chức quốc tế triển khai các chương trình, dự án thí điểm ứng dụng công nghệ, vật liệu mới nhằm phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, kiến trúc xanh thích ứng với BĐKH và phòng chống thiên tai			
8	Khảo sát, rà soát, lập danh mục các nguồn cung cấp nước quan trọng để có kế hoạch bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Các sở: SXD, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã	2026-2027
9	Lập kế hoạch, từng bước xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị. Gắn quy hoạch chỉnh trang đô thị, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước thải, nước mưa, xây dựng các hệ thống xử lý nước thải tập trung với kế hoạch, chương trình, dự án cải tạo, phục hồi các hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư	UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	Các sở: SXD, SNN&MT, STC, SKH&CN.	2026-2027
10	Huy động, lồng ghép, cân đối các nguồn vốn để thực hiện các dự án cấp, thoát nước, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, nâng cấp đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu...	Sở Tài chính	- Các sở: SNN&MT, SXD, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026-2027
11	Nghiên cứu, thực hiện thí điểm một số dự án quy hoạch, chương trình ưu tiên trọng điểm phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, kiến trúc xanh thích với biến đổi khí hậu tại đô thị; tiếp tục triển khai đề án làng đô thị xanh tại phường Xuân Trường - Đà Lạt	Sở Xây dựng UBND các phường thuộc các đô thị Phan Thiết, La Gi, Gia Nghĩa, Đà Lạt	Các sở: SNN&MT, STC, SKH&CN.	2026-2027

12	Thực hiện các dự án nâng cấp và phát triển đô thị theo Chương trình phát triển đô thị được duyệt, ưu tiên tại các đô thị được cảnh báo rủi ro bởi tác động của biến đổi khí hậu, trong đó tập trung nâng cấp, cải tạo các hệ thống hạ tầng kỹ thuật.	UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	Các sở: SXD, SNN&MT, STC, SKH&CN.	2026-2030
13	Chương trình, dự án liên quan đến cấp nước cho các vùng bị hạn hán, sạt lở đất, suy giảm nguồn nước ngầm	UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	Các sở: SXD, SNN&MT, STC, SKH&CN.	2026-2030
IV	Thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ)			
15	Tham mưu, trình ban hành các quy định về đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quá trình sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp. Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, quản lý, phát triển nguồn cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch.	Sở Xây dựng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Tài chính	- Các sở: SNN&MT, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026
16	Rà soát, xử lý dứt điểm tình trạng ngập lụt cục bộ tại các đô thị; đồng thời triển khai các dự án hồ chứa điều tiết, khai thông, nạo vét, cải tạo, gia cố và nắn dòng hệ thống thoát nước đô thị.	Sở Xây dựng UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	Các sở: SNN&MT, STC, SKH&CN.	2026-2028
17	Triển khai Chương trình sử dụng năng lượng và tiết kiệm hiệu quả trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sở Công thương	- Các sở: SNN&MT, SXD, STC, SKH&CN. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026-2028
18	Ứng dụng công nghệ vật liệu mới, sử dụng các loại vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao trong phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, kiến trúc xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	Sở Xây dựng Sở Khoa học Công nghệ	- Các sở: SNN&MT, STC. - UBND các phường, xã, đặc khu định hướng là đô thị	2026-2028